

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2021/HS-ST
Ngày: 18/6/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ánh.

2. Ông Phan Hồng Liêm.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Quỳnh Trang – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố P.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 71/2021/HSST ngày 24 tháng 5 năm 2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2021/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 6 năm 2021 đối với bị cáo:

NGUYỄN VĂN B (tên gọi khác B lụy); Sinh năm: 1999 - tại tỉnh Bình Thuận.

Nơi cư trú: Thôn Thiện Sơn, xã TN, TP. P, tỉnh Bình Thuận; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 02/12; Nghề nghiệp: không; con ông Nguyễn Thanh L, sinh năm: 1974; Hiện trú tại: Thôn Thiện Sơn, xã TN, TP. P, tỉnh Bình Thuận và bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1981 (đã chết); Vợ, con: chưa; Tiền án: không;

Tiền sự: Ngày 30/5/2019, bị Chủ tịch UBND xã TN ra quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn với thời hạn 03 tháng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” (theo Quyết định số 111/QĐ-UBND). Ngày 30/8/2019, chấp hành xong Quyết định trên.

Nhân thân: Ngày 02/11/2020, bị Tòa án nhân dân TP. P áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Bình Thuận với thời hạn 15 tháng theo Quyết định số 76/2021/QĐ-TA.

Bị cáo hiện đang chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính tại Cơ sở điều trị cai nghiện ma túy tỉnh Bình Thuận. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*Bị hại: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1992. Nơi cư trú: Khu phố 4, phường T, tỉnh Bình Thuận (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 02/11/2020, Nguyễn Văn B đi bộ ngang qua tiệm tạp hóa “Ngân” trên đường Hồ Quang Cảnh thuộc khu phố 4, phường T, thành phố P để về nhà thì thấy trước cửa tiệm tạp hóa có 01 xe mô tô hiệu Vision, biển kiểm soát 86C – 839.08 không ai trông coi nên Nguyễn Văn B nảy sinh ý định đến gần xe mô tô để tìm kiếm tài sản nhằm chiếm đoạt. Khi đến gần xe mô tô trên, Nguyễn Văn B phát hiện tại học phía trước, bên trái của xe có 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung A51, vỏ màu hồng nên B lén lút lấy chiếc điện thoại này bỏ vào túi quần mà B đang mặc rồi đi bộ đến ngã tư đường Võ Nguyên Giáp và Hồ Quang Cảnh, đi nhờ một người đi đường để về nhà tại thôn Thiện Sơn, xã TN, thành phố P.

Sau khi phát hiện bị mất điện thoại di động hiệu Samsung A51, bà Nguyễn Thị H là chủ sở hữu xe mô tô hiệu Vision, biển kiểm soát 86C – 839.08 nói trên đến trình báo tại Công an phường T, thành phố P. Qua trích xuất camera an ninh, phát hiện Nguyễn Văn B là đối tượng đã thực hiện hành vi trộm cắp điện thoại của bà Thi. Đến khoảng 21 giờ 40 phút cùng ngày, Công an phường T phối hợp với Công an xã TN kiểm tra hành chính tại nhà Nguyễn Văn B thì phát hiện có 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung A51 màu hồng, là tài sản của bà Thi đã bị mất trộm nên lực lượng Công an đã thu giữ tang vật trên đồng thời triệu tập Nguyễn Văn B về Công an phường T, thành phố P làm việc. Tại Cơ quan Công an, Nguyễn Văn B thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nêu trên.

Tại Kết luận định giá số 270/KL-HĐĐG ngày 06/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố P kết luận: 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung A51; Số Imei 1: 355036111515222; số Imei 2: 355037111515220 có giá trị trị là 5.6000.000đồng.

Vật chứng của vụ án: 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung A51; Số Imei 1: 355036111515222; số Imei 2: 355037111515220. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố P đã ra quyết định xử lý vật chứng, trả lại cho bị hại. Bà Nguyễn Thị H đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì về dân sự.

Cáo trạng số 76/CT-VKSPT-HS ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P truy tố bị cáo Nguyễn Văn B về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố theo cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố Nguyễn Văn B phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B từ 12 (mười hai) tháng đến 18 (mười tám) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm nên không xem xét giải quyết.

Về biện pháp tư pháp: Không.

Ý kiến của bị cáo tại phiên tòa: bị cáo xác định nội dung cáo trạng truy tố không oan và khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố. Bị cáo

xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về với gia đình, có cơ hội sửa chữa bản thân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra thành phố P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Văn B tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, bị hại, phù hợp các vật chứng đã thu giữ và kết luận giám định, phù hợp biên bản xác định hiện trường, bản ảnh xác định hiện trường, phù hợp với các tài liệu điều tra về khả năng nhận thức, điều khiển hành vi của bị cáo và các chứng cứ khác thu thập theo quy định của pháp luật có trong hồ sơ và được thẩm tra tại phiên tòa, đủ cơ sở để kết luận:

Nguyễn Văn B là người có một tiền sự về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Thế nhưng, vì muốn nhanh chóng có tiền tiêu xài phục vụ cho nhu cầu cá nhân nên bị cáo đã bất chấp các quy định của pháp luật, khoảng 20 giờ 30 phút ngày 02/11/2020, tại khu phố 4, phường T, thành phố P, Nguyễn Văn B đã lén lút chiếm đoạt 01 điện thoại di động hiệu Samsung A51 trị giá 5.600.000 đồng của bà Nguyễn Thị H.

Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị cáo Nguyễn Văn B là hành vi cố ý, hành vi đó đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, hơn nữa còn gây mất trật tự trị an tại địa phương. Hành vi vừa nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*”; tội phạm và khung hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

... ”

Cáo trạng số 76/CT-VKSPT-HS ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P truy tố bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*”; tội phạm và khung hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ.

[3] Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đề xuất của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy là hợp lý vì bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn B thành khẩn khai báo; bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và trong đơn xin xét xử vắng mặt bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng

các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Căn cứ vào quy định của Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, xét thấy cần xử lý nghiêm và cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm chung. Tuy nhiên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P đề nghị xử phạt bị cáo mức án từ 12 (mười hai) tháng đến 18 (mười tám) tháng tù là có phần nghiêm khắc.

Bị cáo Nguyễn Văn B hiện đang chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc (với thời hạn 15 tháng) theo Quyết định số 76/2021/QĐ-TA ngày 02/11/2020 của Tòa án nhân dân thành phố P, căn cứ Điều 117 Luật xử lý vi phạm hành chính, bị cáo bị phạt tù thì được miễn chấp hành phần còn lại của quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại trình bày đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về xử lý vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an thành phố P đã xử lý vật chứng trả lại điện thoại Samsung A51 cho chủ sở hữu là bà H là đúng theo quy định pháp luật.

[6] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, Điều 117 Luật xử lý vi phạm hành chính.

Tuyên bố: Nguyễn Văn B phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn B 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Nguyễn Văn B được miễn chấp hành phần thời gian còn lại theo Quyết định áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 76/2021/QĐ-TA ngày 02/11/2020 của Tòa án nhân dân thành phố P, kể từ ngày bắt thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xét.

Về biện pháp tư pháp: Không.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn B phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND Tp. P;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;;
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- Công an Tp. P;
- Chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thủy Tiên